

Số: 32/2024/QĐST-HNGĐ

A, ngày 25 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Ngọc Tuấn.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Dương Văn T, sinh năm 1991.

ĐKKHKT: thôn H, xã X, huyện N, tỉnh H.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- Chị Ngô Thị Hồng N - sinh năm 1995.

ĐKKHKT: tổ 17, khu M, phường B, thành phố V, tỉnh A.

(Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, anh Dương Văn T và chị Ngô Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Dương Văn T và chị Ngô Thị Hồng N đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 09/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Cuối năm 2014 anh T đi lao động ở nước ngoài, từ

đó đến nay giữa hai vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Dương Văn T và chị Ngô Thị Hồng N thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Dương C, sinh ngày 25/8/2014. Sau khi ly hôn, anh T và chị N thống nhất thỏa thuận giao cháu C cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh T và chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị N tự nguyện xin chịu toàn bộ.

Anh T và chị N đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt anh chị.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Dương Văn T và chị Ngô Thị Hồng N; Về con chung: giao cháu C cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh T sẽ phải cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng tự thỏa thuận; Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh T và chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Lệ phí giải quyết việc dân sự: chị N là người chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A, Tòa án nhân dân tỉnh A nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Văn T và chị Ngô Thị Hồng N là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Do vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Dương Văn T và chị Ngô Thị Hồng N đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, việc anh T và chị N thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong hồ sơ thể hiện Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 30/4/2024 do anh Dương Văn T gửi từ nước ngoài về Việt Nam. Tại văn bản số 10548/QLXNC-P3 ngày 20/5/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an đã cung cấp thông tin như sau: “*Dương Văn T, sinh ngày 04/9/1991, đã xuất nhập cảnh 07 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 06/11/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*”. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của anh T trong các văn bản của anh T gửi về Việt Nam. Tại Kết luận giám định số: 941/KLGD-KTHS ngày 09/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A đã kết luận: “*Chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ họ tên “Dương Văn T” dưới mục “Chồng; Người viết đơn” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ họ tên “Dương Văn T” dưới mục “Chồng” trên mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người ký và viết ra*”. Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định rằng việc anh T thuận tình ly hôn với chị N là hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: anh Dương Văn T và chị Ngô Thị Hồng N có 01 con chung là cháu Dương C, sinh ngày 25/8/2014. Hiện nay cháu C đang được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp. Khi ly hôn, anh T và chị N thống nhất thỏa thuận giao cháu C cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Xét thấy, anh T hiện nay đang ở nước ngoài, cháu C đang ở cùng với chị N. Hơn nữa cháu C có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, thỏa thuận giữa anh T và chị N về vấn đề con chung là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T, chị N tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh T và chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự của chị N.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Dương Văn T và chị Ngô Thị Hồng N.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận về nuôi con chung giữa anh Dương Văn T và chị Ngô Thị Hồng N. Giao cháu Dương C, sinh ngày 25/8/2014 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T, chị N tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Dương Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh Dương Văn T và chị Ngô Thị Hồng N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Ngô Thị Hồng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị Ngô Thị Hồng N (do anh Lê Duy Hải Đăng nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000198 ngày 21/6/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh A.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Ngọc Tuấn